

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SON PHÚ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/BC-UBND

Son Phú, ngày 14 tháng 9 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính trong quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2021**

Thực hiện Kế hoạch 03/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND xã về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021. Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú đã tổ chức kiểm tra, soát xét đánh giá về tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính trong quý III năm 2021 như sau:

#### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Công tác chỉ đạo điều hành công tác Cải cách hành chính.**

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo kế hoạch số 03 /KH-UBND, ngày 15/01/2021 về tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021, căn cứ theo chỉ tiêu xã đã rà soát đánh giá đến nay đã đạt 70,2%. Tổ chức soát xét những tồn tại hạn chế về công tác cải cách hành chính trong 6 tháng đầu năm, chỉ đạo các bộ phận, lĩnh vực chấn chỉnh khắc phục qua hội nghị giao ban ngày 06/9/2021 và công văn số 61/UBND ngày 26/8/2021 về chấn chỉnh khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện công tác CCHC và tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Xây dựng Kế hoạch số 32/KH-UBND, ngày 18/8/2021 về triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã.

Xây dựng và triển khai Quy chế hoạt động của Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026, nội quy cơ quan.

Thực hiện chế độ giao ban vào hàng tuần, hàng tháng nhằm đánh giá kết quả thực hiện trong tuần, trong tháng, triển khai kế hoạch nhiệm vụ trong tuần, tháng tiếp theo và các cuộc họp đều được ghi chép đầy đủ nội dung.

Chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực được thực hiện đảm bảo theo quy định.

##### **2. Công tác tuyên truyền Cải cách hành chính.**

Tiếp tục thực hiện nội dung Kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 15/01/2021 về tuyên truyền CCHC năm 2021. Tuyên truyền các nội dung kế hoạch Cải cách hành chính, văn bản chỉ đạo qua hội nghị giao ban, hội nghị mở rộng; qua đài truyền thanh, trang thông tin điện tử xã.

Tuyên truyền các văn bản về sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để người dân, Doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

## **2. Công tác Cải cách thể chế**

### **2.1. Công tác xây dựng Văn bản quy phạm pháp luật**

Trong quý III không xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

### **2.2. Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành**

Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cấp trên ban hành được thực hiện kịp thời, đầy đủ, có chất lượng 100% văn bản. Trong quý III năm 2021, thực hiện công văn của UBND huyện Hương Sơn về việc góp ý bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Công văn số 1328/UBND-TP, về việc góp ý dự thảo Tờ trình và Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. UBND xã đã ban hành văn bản góp ý đầy đủ, đúng quy định.

### **2.3. Công tác Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL**

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 04/02/2021 thực hiện nhiệm vụ Tư pháp năm 2021 ban hành kèm phụ lục I về Công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, UBND xã đã tiến hành rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Qua rà soát, trong quý III năm 2021 có 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực (Quy chế hoạt động UBND nhiệm kỳ 2016 - 2021)

### **2.4. Tổ chức thực hiện văn bản QPPL của cấp trên và của đơn vị tại địa phương**

Các văn bản QPPL của cấp trên và của địa phương được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định 100% văn bản.

### **2.5. Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)**

Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo đúng quy định. Qua theo dõi việc thi hành pháp luật trên địa bàn xã không phát hiện việc xử lý vi phạm trái với quy định của pháp luật.

### **2.6. Hòa giải cơ sở**

Trong Quý III phối hợp các ban ngành hòa giải 02 vụ việc về tranh chấp đất đai và ô nhiễm môi trường.

### **2.7. Công tác số hóa dữ liệu hộ tịch**

Sau khi có kế hoạch ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn về việc số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch từ các Sổ hộ tịch, UBND xã tiếp tục thực hiện số hóa hộ tịch.

## **3. Cải cách thủ tục hành chính**

### **3.1. Về công khai, rà soát TTHC**

Tiếp tục thực hiện kế hoạch số 10/KH-UBND, ngày 06/2/2021 về công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, triển

khai tổ chức thực hiện; Thực hiện việc rà soát thủ tục hành chính theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/5/2021 về rà soát đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của UBND xã.

Thực hiện cập nhập niêm yết công khai kịp thời các bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã mới được công bố tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên trang thông tin điện tử xã theo quy định.

### **3.2. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị**

Thực hiện niêm yết công khai đầy đủ Địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính, hành vi hành chính trên trang thông tin điện tử của xã, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

UBND xã không có phản ánh kiến nghị về quy định hành chính và giải quyết TTHC.

### **3.3. Về giải quyết thủ tục hành chính.**

Việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định. Trong Quý III, số hồ sơ đã tiếp nhận 491 hồ sơ, hồ sơ giải quyết 490 hồ sơ, hồ sơ giải quyết đúng hạn 490 hồ sơ, hồ sơ kỳ trước chuyển qua 01 hồ sơ, hồ sơ trả lại 01 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, đại diện tổ chức đối với sự phục vụ của cán bộ công chức theo hình thức lấy phiếu

### **4. Công tác cải cách tổ chức bộ máy:**

- Thực hiện thống kê báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức đúng thời gian quy định

- Phối hợp thực hiện việc luân chuyển công chức theo quy định

- Xây dựng Quy chế làm việc, nội quy cơ quan; phân công nhiệm vụ đối với các thành viên UBND và công chức chuyên môn sau khi có sự thay đổi, điều chuyển.

### **5. Cải cách công vụ.**

- Thực hiện đảm bảo chế độ đào tạo bồi dưỡng; các đồng chí cán bộ, công chức xã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm túc Quyết định 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017; trong các cuộc giao ban, hội nghị thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công chức phải nghiêm túc thực hiện.

Tham mưu cho HĐND xã ban hành Nghị quyết phê chuẩn mức chi phụ cấp của từng chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn theo Nghị quyết 258/2020/NQ-HĐND và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

- Cập nhật, bổ sung dữ liệu và khai thác hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.
- Các chế độ, chính sách của cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã được thực hiện đảm bảo, đúng quy định.

## **6. Công tác cải cách tài chính công**

Việc quản lý điều hành ngân sách được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND huyện đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng kế hoạch. Xây dựng hồ sơ quyết toán thu chi ngân sách năm 2020; Xây dựng tổ chức thực hiện kế hoạch tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định. Công khai minh bạch quyết toán thu chi ngân sách năm 2020 và thu chi ngân sách quý III năm 2021 đảm bảo theo quy định.

## **7. Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử:**

### **7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động.**

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng cho điều hành, quản lý hệ thống mạng thông suốt. Thực hiện hiệu quả việc gửi nhận, quản lý công văn qua phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, chữ ký số, các phần mềm quản lý chuyên ngành khác theo quy định.

- Cập nhật các văn bản, tin bài, công khai tài chính, bộ thủ tục hành chính lên trang thông tin điện tử xã kịp thời.

### **7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị.**

Thực hiện Kế hoạch duy trì hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015. Rà soát cập nhật bổ sung sửa đổi kịp thời quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Tổ chức kiện toàn Ban chỉ đạo ISO xã

Xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn đánh giá nội bộ thực hiện duy trì hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

## **8. Thực hiện thu ngân sách**

Công tác thu ngân sách được UBND xã quan tâm. Tổng thu ngân sách trong quý III: 2 590 755 750 đồng, đạt 145,15%. Trong đó, Thu tại xã: trong quý thu được 218 600 750 đồng.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Công tác CCHC tiếp tục được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm. Ủy ban nhân dân xã đã tăng cường công tác chỉ đạo toàn diện, quyết liệt các nội dung CCHC, kịp thời ban hành đầy đủ các chương trình, kế hoạch để chỉ đạo kịp thời, khắc phục những tồn tại hạn chế trong 6 tháng đầu năm.

Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của công dân, tổ chức và việc tiếp công dân được duy trì ổn định, hồ sơ giải quyết kịp thời, đảm bảo,

không để xảy ra quá hạn; không có phản ánh kiến nghị về thái độ ứng xử không phù hợp của cán bộ, công chức

## **2. Tồn tại hạn chế**

- Việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3 đã tập trung thực hiện đạt theo chỉ tiêu, tuy nhiên số lượng tiếp nhận thủ tục hành chính mức độ 3 tỷ lệ đạt chưa cao.

- Chưa thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

## **III. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021**

1. Tiếp tục thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

2. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cải cách hành chính, thủ tục hành chính; đặc biệt tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm nâng cao tỷ lệ phát sinh hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

3. Tiếp tục thực hiện số hoá dữ liệu, số hóa hồ tịch giai đoạn 3 từ năm 1999 - 2005 hoàn thành trước ngày 06/12/2021. Phối hợp với các thành phần liên quan thực hiện hòa giải các vụ việc tranh chấp diễn ra trên địa bàn xã. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đa dạng các hình thức. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí tiếp cận pháp luật.

4. Tiếp tục thực hiện kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính, rà soát thủ tục hành chính. Cập nhật, niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời các bộ TTHC tại bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm túc việc cập nhật vào phần mềm Dịch vụ công; và thực hiện tiếp nhận và xử lý kịp thời các hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đặc biệt trong thời gian có dịch covid-19.

6. Tiếp tục xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm Quy chế văn hóa công sở và cam kết theo Quyết định 52/2017/QĐ-UBND.

7. Cập nhật lưu trữ đầy đủ hồ sơ và cập nhật kịp thời vào phần mềm Quản lý cán bộ, công chức. Thực hiện đảm bảo, kịp thời chế độ chính sách của cán bộ, công chức theo quy định.

8. Thực hiện kiểm điểm đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức theo quy định.

9. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

10. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định. Công khai minh bạch quyết toán thu, chi ngân sách đảm bảo theo quy định.

11. Phát huy hiệu quả ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản hồ sơ công việc, gửi nhận văn bản, sử dụng chữ ký số và các phần mềm quản lý chuyên ngành đảm bảo theo quy định.

12. Tiếp tục cập nhật, bổ sung kịp thời quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện đánh giá nội bộ việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015 vào hoạt động tại cơ quan; trên cơ sở đánh giá chỉ đạo thực hiện khắc phục những sai lỗi, điểm không phù hợp trong việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III và một số nhiệm vụ cải cách hành chính quý IV năm 2021, UBND xã báo cáo cấp trên được biết./.

***Nơi nhận:***

- Phòng nội vụ huyện;
- Lưu: VP-UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Tỏa**

**Phụ lục 2B**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ III XÃ SƠN PHÚ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
1.2.	Kiểm tra CCHC	Văn bản		
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	01	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	175	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC	Thủ tục	172	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	58	
3.2.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	3	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn,	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	đúng quy trình (ở cả 3 cấp).			
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số tổ chức liên ngành do các Sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	18	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	01	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành hoặc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành hoặc thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1.</b>	<b>Ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.1.1	Chất lượng Công thông tin điện tử	Theo QĐ 2394/QĐ-UBND của UBND tỉnh		
7.1.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.1.3	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.1.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong CQNN được phê duyệt theo cấp độ: Tỷ lệ = số hệ thống thông tin được phê duyệt theo cấp độ/tổng số hệ thống thông tin CQNN thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn	Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa		
7.1.6	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.1.6.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.1.6.2	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	90	
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.1.7.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.8	Dịch vụ công trực tuyến			
7.1.8.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	58	
7.1.8.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	56	
7.1.8.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	21,1	(Lũy kế 22,68%)
7.1.8.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		
7.1.9.	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.9.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%		
<b>7.2</b>	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.2.1	Ban hành các văn bản (Kế hoạch, Quyết định, Công văn...) liên quan đến việc xây dựng áp dụng, duy trì cải tiến ISO 9001 tại cơ quan và tại các đơn vị (địa phương) trực thuộc	Văn bản	02	
7.2.2	Việc áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị/địa phương trực thuộc			
7.2.2.1	Số đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị		
7.2.2.2	Số đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã triển khai mới trong năm	Đơn vị		
7.2.3	Việc ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại cơ quan			
7.2.3.1	Ban hành danh mục tài liệu HTQLCL; Công bố/công bố lại khi có sự mở rộng, thu hẹp hệ thống theo quyết định 19/2014/QĐ-TTg	Quyết định		
7.2.3.2	Tổng số quy trình nội bộ TTHC được áp dụng tại cơ quan		150	
7.2.3.3	Số lần thay đổi quy trình nội bộ thủ tục hành chính trong quý/6 tháng/năm	Lần	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.3.4	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc đang được áp dụng tại cơ quan	Quy trình	150	
7.2.3.5	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc được xây dựng trong quý/6 tháng/năm	Quy trình	150	
7.2.4	Ban hành mục tiêu chất lượng và đánh giá việc thực hiện			
7.2.4.1	Số lượng chỉ tiêu được đưa vào mục tiêu chất lượng của cơ quan trong năm	Chỉ tiêu		
7.2.4.2	Đánh giá mức độ đạt được các chỉ tiêu đã đề ra trong quý/6 tháng/năm	%	70	
7.2.5	Việc vận hành và áp dụng quy trình trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.2.5.1	Số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng quy trình nội bộ TTHC	Hồ sơ	490	
7.2.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc được thực hiện theo quy trình giải quyết công việc	Hồ sơ	490	
7.2.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC và giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình	%	100	
7.2.6	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu			
7.2.6.1	Số lượng cặp file hồ sơ, tài liệu được tạo lập mới	Cặp file		
7.2.6.2	Tỷ lệ % hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ theo đúng quy định về ISO (theo hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản)	%		
7.2.7	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ			
7.2.7.1	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận được đánh giá	%		



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2.7.2	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận có kết quả đánh giá đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn	%		



